

Số: 78/2022/QĐST-HNGĐ

Hải Dương, ngày 19 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con”.

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Thư ký phiên họp: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 176/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022, về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con*”, theo quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 284/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Người yêu cầu: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1988.

ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1991.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn C, xã T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

Người được chị H ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng của Tòa án: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1988. ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

(Anh T, chị H đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; Bản tự khai; Đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giấy ủy quyền của anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị H cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là thành phố H), tỉnh Hải Dương vào ngày 28/10/2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì cùng sang lao động tại Nhật Bản, từ khi sang Nhật Bản chị H cắt đứt liên lạc, không quan tâm đến gia đình, chồng con. Gia đình hai bên đã cố gắng hòa giải, hàn gắn nhưng không có kết quả. Năm 2019, chị H về nước và đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở, sau đó lại sang Đài Loan làm ăn. Năm 2022, anh về nước và đón con về xã T, thành phố H sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Nay anh T, chị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh T, chị H xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Trâm A, sinh ngày 05/11/2013, hiện con đang ở với anh. Anh, chị thống nhất giao cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Trâm A cho đến khi con chung thành niên, anh T tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T, chị H thống nhất vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Chị Bùi Thị H hiện đang sinh sống tại Đài Loan nên chị ủy quyền cho anh Nguyễn Văn T thay chị giao, nhận các tài liệu tại Tòa án. Anh T nhất trí nhận sự ủy quyền của chị H. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, anh đã thông báo cho chị H biết, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Do điều kiện, công việc anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị H không thể trực tiếp tham gia tố tụng tại Tòa án được nên anh, chị đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Con chung của anh T, chị H là cháu Nguyễn Thị Trâm A có quan điểm xin được ở với anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ việc: Căn cứ Điều 55, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị H. Giao con chung Nguyễn Thị Trâm A cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi), chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chấp nhận sự

tự nguyện của anh T chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, quan điểm của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị H có đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Chị H hiện đang cư trú tại Đài Loan. Do vậy, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giấy ủy quyền giải quyết việc ly hôn của chị H đã được Văn phòng kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc chứng thực. Do vậy có đủ cơ sở khẳng định ý chí, nguyện vọng ly hôn của chị H là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Anh T và chị H đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị H được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là thành phố H), tỉnh Hải Dương vào ngày 28/10/2012, do vậy hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì cùng sang Nhật Bản làm ăn, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, chị H không quan tâm đến gia đình chồng con, năm 2014 chị về nước sau đó lại tiếp tục sang Đài Loan làm ăn, vợ chồng cắt đứt liên lạc, không quan tâm và đã sống ly thân từ lâu. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T và chị H.

[2.2] Về con chung: Anh T và chị H có 01 con chung là Nguyễn Thị Trâm A, sinh ngày 05/11/2013. Anh, chị thống nhất thỏa thuận giao con Nguyễn Thị Trâm A cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên, anh T tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Con chung Nguyễn Thị Trâm A cũng có nguyện vọng được ở với anh T. Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T, chị H xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3]. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của anh T tự nguyện chịu cả lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 149, Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị H.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh T, chị H giao con chung Nguyễn Thị Trâm A, sinh ngày 05/11/2013 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên, chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc tự nguyện tạm thời không yêu cầu chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về lệ phí: Anh Nguyễn Văn T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ theo biên lai thu số AA/2021/0001054 ngày 08/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh T đã nộp đủ lệ phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T, thành phố H, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Trường